TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24/5/2022
V/v tranh chấp:"Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Thúy, bà Ngô Thị Thời.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Hồng Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở, Toà án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 73/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/4/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐ-HPT ngày 06/5/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1990.

- Bị đơn: Anh **Hoàng Văn D**, sinh năm 1988.

ĐKHKTT và cư trú: Khu 16 phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Chị H, anh D đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị của nguyên đơn chị Lê Thị H, thể hiện: Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn D được tự do tìm hiểu nhau một khoảng thời gian thì cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố H ngày 16/9/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã ly thân mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh D không còn. Do vậy chị giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D để hai bên sớm ổn định cuộc sống; Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Hà Y, sinh ngày 20/10/2009 và cháu Hoàng Thị Thu B, sinh ngày 16/9/2014, từ khi ly

thân hai cháu về gia đình bố mẹ đẻ chị ở cùng chị. Chị làm công nhân thu nhập ổn định và ở cùng gia đình nhà bố mẹ đẻ chị nên ông, bà cũng hỗ trợ chị trong việc chăm sóc các cháu. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu vì các cháu đều là con gái, nếu chị được nuôi cả hai con, chị tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Trường hợp anh D có nguyện vọng được nuôi một con đề nghị Tòa án giao mỗi người nuôi một con và không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai. Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án, anh D vắng mặt tại địa phương. Bố mẹ đẻ anh D xác định anh D đã biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, anh D trao đổi lại với ông, bà anh D không muốn vợ chồng ly hôn vì nghĩ thương các con, trường hợp chị H cương quyết xin ly hôn đó là quyền của chị H.

Lời khai người thân hai bên gia đình chị H, anh D, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú thể hiện: Chị H, anh D lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Anh D đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện vẫn cư trú tại khu 16 phường N, thành phố H hiện đang đi làm xa nhưng anh D không cung cấp địa chỉ cụ thể. Vợ chồng đã ly thân mỗi người ở một nơi. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, chính quyền địa phương, người thân hai bên gia đình chị H, anh D đề nghị giải quyết theo quy định. Vợ chồng có hai con chung thống nhất như chị H đã trình bày, người thân gia đình chị H và chính quyền địa phương đề nghị giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các cháu. Người thân gia đình anh D đề nghị giao cả hai con cho chị H theo nguyện vọng của chị H. Chị H, anh D không có tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp với gia đình hai bên.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Y, cháu B thể hiện các cháu có nguyện vọng hai chị em ở cùng nhau và được ở cùng mẹ cháu.

Xác minh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thể hiện không có thông tin xuất cảnh của anh Hoàng Văn D.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H, xử cho chị Lê Thị H ly hôn anh Hoàng Văn D; Về con chung: Đề nghị giao cháu Hoàng Hà Y, sinh ngày 20/10/2009 và cháu Hoàng Thị Thu B, sinh ngày 16/9/2014 cho chị Lê Thị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 5/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không đề nghị anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh D có

quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về thủ tục tố tụng:*Anh Hoàng Văn D đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện vẫn cư trú tại phường N, thành phố H, anh D đi làm xa nhưng không cung cấp địa chỉ nơi ở mới. Thông qua người thân gia đình anh D thể hiện, anh D đã biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án nhưng không đến Tòa án làm việc do vậy thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là anh Hoàng Văn D vẫn vắng mặt. Chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh D là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H, anh D được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định. Do vậy, quan hệ hôn nhân của chị H, anh D là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự tin tưởng, thương yêu nhau. Vợ chồng đã ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh D. Xác minh tại chính quyền địa phương, người thân hai bên gia đình chị H, anh D thể hiện quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn của anh, chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được. Anh D mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng Tòa án tổ chức phiên hòa giải anh D cũng không đến Tòa án làm việc thể hiện anh D không thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ thực sự. Hội đồng xét xử xét thấy chị H, anh D đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị H ly hôn anh D là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Hoàng Hà Y, sinh ngày 20/10/2009 và cháu Hoàng Thị Thu B, sinh ngày 16/9/2014, chị H có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy từ khi ly thân các cháu ở cùng chị H, hai cháu có nguyện được ở cùng nhau và ở cùng mẹ cháu. Hơn nữa, hai cháu đều là con gái cần sự chăm sóc của mẹ hơn. Quá trình giải quyết vụ án, anh D không đưa ra quan điểm về vấn đề con chung. Do vậy để đảm bảo sự ổn định và phát triển tốt nhất cho các cháu cần tiếp tục giao hai cháu cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Chị H, người thân gia đình anh D xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị H xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H ly hôn anh Hoàng Văn D.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Hà Y, sinh ngày 20/10/2009 và cháu Hoàng Thị Thu B, sinh ngày 16/9/2014 cho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị H không yêu cầu anh Hoàng Văn D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Hoàng Văn D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về án phí: Buộc chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0001823 ngày 25/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị H và anh Hoàng Văn D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND phường N, Thành phố H để lưu hộ tịch (ĐKKH: 16/9/2008);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhan